

BẢNG PHÂN TÍCH NHU CẦU TÀI CHÍNH

A-Thông tin chung

1. Thông tin cá nhân

Họ tên Bên mua bảo hiểm: **Bố**
Ngày sinh: **01/01/1987**
Giới tính: Nam Nữ
Tình trạng hôn nhân: Độc thân Đã kết hôn
Nghề nghiệp: **Ăn uống - đầu bếp trưởng**

2. Khả năng tài chính

Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo tháng: **1.000 triệu VNĐ**
Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo năm: **12.000 triệu VNĐ**
Thu nhập cả gia đình theo tháng: **2.000 triệu VNĐ**
Thu nhập cả gia đình theo năm: **24.000 triệu VNĐ**
Số tiền dành cho BHNT trên thu nhập cả gia đình theo năm: **1.000 triệu VNĐ**
Thời gian dự định đóng phí BHNT: **15.0 năm**

B-Nhu cầu của quý khách và kế hoạch tài chính

Nhu cầu trọng tâm		Nhu cầu Quý khách quan tâm	Số tiền cần thiết ước tính (A) VNĐ	Khoản tiết kiệm/ Đầu tư/ hợp đồng bảo hiểm hiện có cho nhu cầu này (B) VNĐ	Khoản chênh lệch tối thiểu cần bảo hiểm (C=A-B) VNĐ
Bảo vệ tài chính	Rủi ro tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	<input checked="" type="checkbox"/>	111.111.111.111.111.100	0	111.111.111.111.111.100
	Rủi ro tai nạn	<input checked="" type="checkbox"/>	111.111.111.111.111.100	0	111.111.111.111.111.100
	Rủi ro bệnh hiểm nghèo	<input checked="" type="checkbox"/>	111.111.111.111.111.100	0	111.111.111.111.111.100
Tiết kiệm/Tích lũy tài chính	Kế hoạch học vấn của con	<input checked="" type="checkbox"/>	111.111.111.111.111.100	0	111.111.111.111.111.100
	Kế hoạch cho tuổi hưu an nhàn	<input checked="" type="checkbox"/>	1.111.111.111.111.111.200	0	1.111.111.111.111.111.200
	Kế hoạch tích lũy tài chính cho nhu cầu chi tiêu ngắn hạn	<input type="checkbox"/>			
Đầu tư	Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	1.111.111.111.111.111.200	0	1.111.111.111.111.111.200
	Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	1.111.111.111.111.111.200	0	1.111.111.111.111.111.200



Nhu cầu gia tăng thêm bảo vệ cho bản thân và gia đình				
Chăm sóc sức khỏe	<input checked="" type="checkbox"/>	1.111.111.111.111.111.200	0	1.111.111.111.111.111.200
Bệnh hiểm nghèo	<input checked="" type="checkbox"/>	1.111.111.111.111.111.200	0	1.111.111.111.111.111.200
Tử vong, tai nạn, thương tật	<input checked="" type="checkbox"/>	1.111.111.111.111.111.200	0	1.111.111.111.111.111.200

C-Gợi ý sản phẩm

Tên sản phẩm chính	Lý do đề xuất
CIM2-PRU-Cuộc Sống Bình An	Khách hàng có nhu cầu: .

D-Xác nhận của khách hàng

Tôi xác nhận:
- Tư vấn viên đã thực hiện phân tích nhu cầu tài chính cho tôi.
- Tôi đã đọc và hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này.
- Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trên đây là chính xác, đầy đủ và tôi hiểu rằng việc cung cấp các thông tin không chính xác và đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến kết quả của việc phân tích nhu cầu tài chính.
- Tôi quyết định lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của tôi theo như gợi ý của Tư vấn viên. Các thông tin tài chính được cung cấp tại tài liệu này sẽ là cơ sở để tôi chọn lựa gói sản phẩm và số tiền bảo hiểm như được thể hiện chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm liên quan.

Khách hàng ký tên Chữ ký: _____ Họ và tên: BỐ	Tư vấn viên ký tên Chữ ký: _____ Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM Mã số: 60000012
--	--

*Lưu ý: Bảng phân tích này chỉ nhằm mục đích tìm hiểu nhu cầu và khả năng tài chính của Khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ thông qua các sản phẩm bảo hiểm của Prudential Việt Nam. Số tiền được thể hiện qua phân tích này chỉ mang tính tương đối, không phản ánh chính xác số tiền thực tế cần phải có trong tương lai. Quý khách nên thường xuyên xem lại phân tích này với chuyên viên Tư vấn tài chính của Prudential Việt Nam, đặc biệt là khi có sự thay đổi về nhu cầu hoặc điều kiện kinh tế khác.



PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp;
Vốn điều lệ: 4.949,7 tỷ đồng;
Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM;
Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Fax: (028) 39100899;
Website: <http://www.prudential.com.vn>

THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN

Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM
Mã số: 60000012
Điện thoại: 0999999999
Địa chỉ liên hệ: Newwwwww

PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN - Chia sẻ cùng bạn gánh nặng tài chính trước rủi ro 72 bệnh ung thư và bệnh hiểm nghèo.

Được chi trả lên đến 200% Số tiền bảo hiểm cho 72 bệnh ung thư và bệnh hiểm nghèo

- Chi trả tối đa 2 bệnh ung thư/bệnh hiểm nghèo (BHN) giai đoạn đầu với 30% Số tiền bảo hiểm (STBH) mỗi bệnh.
- Chi trả tối đa 2 bệnh ung thư/BHN giai đoạn sau với tổng quyền lợi lên đến 200% STBH và các khoản lãi.
- Miễn đóng toàn bộ phí còn lại của sản phẩm chính khi mắc bệnh ung thư/BHN giai đoạn sau lần 1.

Được chi trả lên đến 300% STBH trước rủi ro tử vong

- Chi trả lên đến 200% STBH và các khoản lãi để bù đắp những mất mát về tài chính.
- Hỗ trợ thêm 100% STBH trong trường hợp không may tử vong do tai nạn.

Nhận ngay 30% STBH bằng tiền mặt ở tuổi 65

Chủ động nhận trước 30% STBH để thực hiện các dự định cá nhân và kế hoạch cùng gia đình.

Tổng quyền lợi bảo hiểm đảm bảo của sản phẩm PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN không vượt quá 200% STBH. Trong trường hợp NDBH tử vong do tai nạn, quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả thêm 100% STBH.

PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN - Khởi đầu vững chắc cho tương lai bình an



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Bố
Bố

Minh họa số:
Tư vấn viên:

13922/510001503
PRUDENTIAL VIỆT NAM

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 - CIM2
14/03/2022 16:04:04

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp	Tăng phí	Lý do tăng phí	CMND/Hộ chiếu/ Khai sinh
Bên mua bảo hiểm:	Bố	Nam	35				
Người được bảo hiểm chính (NĐBH chính):	Bố	Nam	35	Ăn uống - đầu bếp trưởng	Không		
Người được bảo hiểm bổ sung 1 (NĐBHBS 1):	Mẹ	Nữ	30	Ăn uống - đầu bếp trưởng	Không		
Người được bảo hiểm bổ sung 2 (NĐBHBS 2):	Con Trai	Nam	6	Sinh viên, học sinh	Không		
Địa chỉ liên hệ:							



THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM			Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng	Thời hạn đóng phí	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm hàng năm
Sản phẩm chính							
PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN			NĐBH chính	40	15	200.000.000	15.570.000
Phí giảm cho hợp đồng có số tiền bảo hiểm lớn:							(400.000)
Phí bảo hiểm sau khi đã giảm:							15.170.000
Sản phẩm bổ trợ							
1	HSR4	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe (*)	NĐBH chính	15	15	400.000(**)	840.000
2	OPW8	Bảo hiểm miễn đóng phí	NĐBHBS 1	15	15	100.000.000	396.600
3	TLR1	Bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn		15	15		429.000
4	ADD2	Bảo hiểm chết và tàn tật do tai nạn mở rộng (*)		15	15		350.000
5	CIR3	Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu (*)		15	15		1.092.000
6	OPW7	Bảo hiểm miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo (*)	NĐBHBS 2	15	15	200.000.000	203.800
7	CIR3	Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu (*)		15	15		448.000
Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ							18.929.400

Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ:	Năm	Nửa năm	Quý
	18.929.400	10.222.500	5.402.500

Phương thức đóng phí bảo hiểm: Tiền mặt

Ghi chú:

- (*) Prudential có quyền điều chỉnh mức Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm này trong suốt Thời hạn đóng phí bảo hiểm với sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm còn lại được đảm bảo trong suốt thời hạn hợp đồng.
- (**) Đây là Số tiền bảo hiểm chi trả cho Quyền lợi Trợ cấp viện phí cho mỗi Ngày nằm viện.
- (Các) Sản phẩm bổ trợ trên đây là (các) sản phẩm bảo hiểm không có bảo tức.
- Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là phí tính cho người có sức khỏe trung bình theo tiêu chuẩn của Prudential. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên kết quả thẩm định của Prudential.



2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH			
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 0,50%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu	Giai đoạn sau	Tử vong không do tai nạn	Tử vong do tai nạn								
		(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)
1/36	15.170	120.000	400.000	400.000	600.000			1.000			401.000	601.000	
2/37	30.340	120.000	400.000	400.000	600.000		858	2.005		40	402.005	602.005	898
3/38	45.510	120.000	400.000	400.000	600.000		3.289	3.015		125	403.015	603.015	3.414
4/39	60.680	120.000	400.000	400.000	600.000		7.411	4.030		261	404.030	604.030	7.672
5/40	75.850	120.000	400.000	400.000	600.000		13.346	5.050		457	405.050	605.050	13.802
6/41	91.020	120.000	400.000	400.000	600.000		21.231	6.076		718	406.076	606.076	21.949
7/42	106.190	120.000	400.000	400.000	600.000		31.213	7.106		1.053	407.106	607.106	32.266
8/43	121.360	120.000	400.000	400.000	600.000		49.654	8.141		1.680	408.141	608.141	51.334
9/44	136.530	120.000	400.000	400.000	600.000		65.359	9.182		2.225	409.182	609.182	67.584
10/45	151.700	120.000	400.000	400.000	600.000		83.686	10.228		2.873	410.228	610.228	86.559
11/46	166.870	120.000	400.000	400.000	600.000		95.324	11.279		3.304	411.279	611.279	98.628
12/47	182.040	120.000	400.000	400.000	600.000		107.569	12.336		3.768	412.336	612.336	111.337
13/48	197.210	120.000	400.000	400.000	600.000		120.464	13.397		4.265	413.397	613.397	124.729
14/49	212.380	120.000	400.000	400.000	600.000		134.053	14.464		4.798	414.464	614.464	138.852
15/50	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		148.381	15.537	28.000	5.369	443.537	643.537	153.750
16/51	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		154.855	16.614	34.000	5.980	450.614	650.614	160.835
17/52	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		161.576	17.697	40.000	6.633	457.697	657.697	168.209
18/53	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		168.554	18.786	46.000	7.330	464.786	664.786	175.884
19/54	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		175.795	19.880	52.000	8.073	471.880	671.880	183.868
20/55	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		183.310	20.979	58.000	8.864	478.979	678.979	192.174



2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO					QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 0,50%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu	Giai đoạn sau	Tử vong không do tai nạn	Tử vong do tai nạn								
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)		
21/56	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		191.115	22.084	64.000	9.706	486.084	686.084	200.821
22/57	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		199.232	23.194	70.000	10.603	493.194	693.194	209.835
23/58	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		207.688	24.310	76.000	11.557	500.310	700.310	219.246
24/59	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		216.517	25.432	82.000	12.574	507.432	707.432	229.090
25/60	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		225.747	26.559	88.000	13.657	514.559	714.559	239.404
26/61	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		235.408	27.692	94.000	14.810	521.692	721.692	250.218
27/62	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		245.527	28.830	100.000	16.039	528.830	728.830	261.566
28/63	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		256.135	29.975	106.000	17.347	535.975	735.975	273.482
29/64	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		267.282	31.124	112.000	18.742	543.124	743.124	286.024
30/65	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000	60.000	339.027	32.280	118.000	20.230	550.280	750.280	359.257
31/66	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		287.604	33.441	126.000	21.820	562.441	762.441	312.424
32/67	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		296.583	34.609	134.000	23.526	574.759	774.759	326.259
33/68	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		306.101	35.782	142.000	25.362	587.239	787.239	340.921
34/69	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		316.263	36.961	148.000	27.347	597.891	797.891	356.540
35/70	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		327.192	38.145	156.000	29.502	610.722	810.722	373.270
36/71	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		339.041	39.336	164.000	31.856	623.742	823.742	391.302
37/72	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		352.002	40.533	172.000	34.444	636.959	836.959	410.872
38/73	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		366.258	41.735	178.000	37.313	648.383	848.383	432.218
39/74	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		382.120	42.944	186.000	40.524	662.024	862.024	455.723
40/75	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		400.000	44.159	194.000	44.159	675.892	875.892	675.892



2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA THẤP (**)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH				
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 0,00%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu	Giai đoạn sau	Tử vong không do tai nạn	Tử vong do tai nạn								
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)		
1/36	15.170	120.000	400.000	400.000	600.000					400.000	600.000		
2/37	30.340	120.000	400.000	400.000	600.000		858			400.000	600.000	858	
3/38	45.510	120.000	400.000	400.000	600.000		3.289			400.000	600.000	3.289	
4/39	60.680	120.000	400.000	400.000	600.000		7.411			400.000	600.000	7.411	
5/40	75.850	120.000	400.000	400.000	600.000		13.346			400.000	600.000	13.346	
6/41	91.020	120.000	400.000	400.000	600.000		21.231			400.000	600.000	21.231	
7/42	106.190	120.000	400.000	400.000	600.000		31.213			400.000	600.000	31.213	
8/43	121.360	120.000	400.000	400.000	600.000		49.654			400.000	600.000	49.654	
9/44	136.530	120.000	400.000	400.000	600.000		65.359			400.000	600.000	65.359	
10/45	151.700	120.000	400.000	400.000	600.000		83.686			400.000	600.000	83.686	
11/46	166.870	120.000	400.000	400.000	600.000		95.324			400.000	600.000	95.324	
12/47	182.040	120.000	400.000	400.000	600.000		107.569			400.000	600.000	107.569	
13/48	197.210	120.000	400.000	400.000	600.000		120.464			400.000	600.000	120.464	
14/49	212.380	120.000	400.000	400.000	600.000		134.053			400.000	600.000	134.053	
15/50	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		148.381			400.000	600.000	148.381	
16/51	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		154.855			400.000	600.000	154.855	
17/52	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		161.576			400.000	600.000	161.576	
18/53	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		168.554			400.000	600.000	168.554	
19/54	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		175.795			400.000	600.000	175.795	
20/55	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		183.310			400.000	600.000	183.310	



2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA THẤP (**)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH				
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 0,00%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu (a)	Giai đoạn sau (b)	Tử vong không do tai nạn (c)	Tử vong do tai nạn (d)								
21/56	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		191.115				400.000	600.000	191.115
22/57	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		199.232				400.000	600.000	199.232
23/58	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		207.688				400.000	600.000	207.688
24/59	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		216.517				400.000	600.000	216.517
25/60	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		225.747				400.000	600.000	225.747
26/61	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		235.408				400.000	600.000	235.408
27/62	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		245.527				400.000	600.000	245.527
28/63	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		256.135				400.000	600.000	256.135
29/64	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		267.282				400.000	600.000	267.282
30/65	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000	60.000	339.027				400.000	600.000	339.027
31/66	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		287.604				402.100	602.100	289.704
32/67	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		296.583				404.274	604.274	300.857
33/68	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		306.101				406.523	606.523	312.624
34/69	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		316.263				408.851	608.851	325.114
35/70	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		327.192				411.261	611.261	338.453
36/71	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		339.041				413.755	613.755	352.796
37/72	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		352.002				416.337	616.337	368.339
38/73	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		366.258				419.009	619.009	385.267
39/74	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		382.120				421.774	621.774	403.894
40/75	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		400.000				424.636	624.636	424.636



2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA CAO (***)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH				
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,75%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu (a)	Giai đoạn sau (b)	Tử vong không do tai nạn (c)	Tử vong do tai nạn (d)								
1/36	15.170	120.000	400.000	400.000	600.000			3.500			403.500	603.500	
2/37	30.340	120.000	400.000	400.000	600.000		858	7.061		139	407.061	607.061	998
3/38	45.510	120.000	400.000	400.000	600.000		3.289	10.685		442	410.685	610.685	3.731
4/39	60.680	120.000	400.000	400.000	600.000		7.411	14.372		932	414.372	614.372	8.343
5/40	75.850	120.000	400.000	400.000	600.000		13.346	18.123		1.639	418.123	618.123	14.985
6/41	91.020	120.000	400.000	400.000	600.000		21.231	21.941		2.592	421.941	621.941	23.824
7/42	106.190	120.000	400.000	400.000	600.000		31.213	25.824		3.826	425.824	625.824	35.039
8/43	121.360	120.000	400.000	400.000	600.000		49.654	29.776		6.143	429.776	629.776	55.797
9/44	136.530	120.000	400.000	400.000	600.000		65.359	33.797		8.191	433.797	633.797	73.549
10/45	151.700	120.000	400.000	400.000	600.000		83.686	37.889		10.643	437.889	637.889	94.329
11/46	166.870	120.000	400.000	400.000	600.000		95.324	42.052		12.319	442.052	642.052	107.643
12/47	182.040	120.000	400.000	400.000	600.000		107.569	46.288		14.138	446.288	646.288	121.707
13/48	197.210	120.000	400.000	400.000	600.000		120.464	50.598		16.108	450.598	650.598	136.572
14/49	212.380	120.000	400.000	400.000	600.000		134.053	54.983		18.240	454.983	654.983	152.293
15/50	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		148.381	59.446	44.000	20.543	503.446	703.446	168.924
16/51	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		154.855	63.986	52.000	23.031	515.986	715.986	177.886
17/52	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		161.576	68.606	62.000	25.714	530.606	730.606	187.290
18/53	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		168.554	73.306	72.000	28.603	545.306	745.306	197.157
19/54	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		175.795	78.089	82.000	31.710	560.089	760.089	207.506
20/55	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		183.310	82.956	92.000	35.050	574.956	774.956	218.360



2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

MỨC MINH HỌA CAO (***)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO					TỔNG QUYỀN LỢI ƯỚC TÍNH		
		QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TỬ VONG TỐI ĐA		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT	GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,75%	Lãi chia cuối hợp đồng	Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy	Quyền lợi BHN hoặc tử vong không do tai nạn tối đa	Quyền lợi Tử vong do tai nạn tối đa	Giá trị hoàn lại
		Giai đoạn đầu	Giai đoạn sau	Tử vong không do tai nạn	Tử vong do tai nạn								
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)		
21/56	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		191.115	87.907	100.000	38.636	587.907	787.907	229.751
22/57	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		199.232	92.946	110.000	42.488	602.946	802.946	241.720
23/58	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		207.688	98.072	120.000	46.624	618.072	818.072	254.312
24/59	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		216.517	103.289	130.000	51.067	633.289	833.289	267.583
25/60	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		225.747	108.596	140.000	55.840	648.596	848.596	281.587
26/61	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		235.408	113.997	148.000	60.967	661.997	861.997	296.375
27/62	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		245.527	119.492	158.000	66.474	677.492	877.492	312.001
28/63	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		256.135	125.083	168.000	72.389	693.083	893.083	328.524
29/64	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		267.282	130.772	178.000	78.745	708.772	908.772	346.027
30/65	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000	60.000	339.027	136.560	190.000	85.582	726.560	926.560	424.609
31/66	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		287.604	142.450	202.000	92.947	748.350	948.350	384.451
32/67	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		296.583	148.443	214.000	100.907	770.496	970.496	405.544
33/68	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		306.101	154.540	226.000	109.539	793.017	993.017	428.116
34/69	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		316.263	160.745	238.000	118.933	815.933	1.015.933	452.383
35/70	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		327.192	167.058	250.000	129.203	839.263	1.039.263	478.600
36/71	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		339.041	173.482	262.000	140.491	863.030	1.063.030	507.081
37/72	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		352.002	180.017	274.000	152.974	887.257	1.087.257	538.215
38/73	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		366.258	186.668	286.000	166.886	911.967	1.111.967	572.444
39/74	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		382.120	193.434	298.000	182.531	937.189	1.137.189	610.406
40/75	227.550	120.000	400.000	400.000	600.000		400.000	200.320	310.000	200.320	962.948	1.162.948	962.948



2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

Tóm tắt quyền lợi khi kết thúc thời hạn hợp đồng	Mức minh họa Thấp	Mức minh họa Trung bình	Mức minh họa Cao
Quyền lợi đảm bảo	400.000	400.000	400.000
Quyền lợi không đảm bảo			
Bảo tức tích lũy minh họa		44.159	200.320
Lãi chia cuối hợp đồng minh họa		194.000	310.000
Lãi tích lũy minh họa (m)	24.636	37.734	52.628
Tổng quyền lợi khi kết thúc hợp đồng (n)	424.636	675.893	962.948

Ghi chú:

- (a) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH mắc 2 BHN giai đoạn đầu thuộc 2 nhóm khác nhau trong 4 nhóm bệnh được quy định trong Quy tắc, Điều khoản.
- (b) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH mắc 2 BHN giai đoạn sau thuộc 2 nhóm khác nhau trong 4 nhóm bệnh được quy định trong Quy tắc, Điều khoản và chưa nhận quyền lợi BHN giai đoạn đầu và/hoặc quyền lợi tiền mặt.
- (c) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH tử vong không do tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.
- (d) được minh họa ở mức TỐI ĐA khi NĐBH tử vong trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.
- (e) bằng 30% STBH và được chi trả vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 65 của NĐBH. Trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential, khoản tiền này sẽ được hưởng lãi.
- (f) là số tiền minh họa đảm bảo mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn với giả định chưa có bất kì quyền lợi BHN nào được chi trả và quyền lợi tiền mặt được để lại tại Prudential không có lãi.
- (g) có giá trị ước tính, là khoản lãi chia (không đảm bảo) của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi và được công bố hằng năm (nếu có). Bảo tức được bảo đảm sau khi đã công bố. Trong bảng minh họa này, Bảo tức tích lũy được minh họa lần lượt ở mức 0,00%/năm, 0,50%/năm và 1,75%/năm trên STBH tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao.
- (h) có giá trị ước tính, là khoản lãi chia (không đảm bảo) của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, được chi trả thêm cùng với (1) Quyền lợi BHN giai đoạn sau lần thứ hai hoặc (2) Quyền lợi tử vong hoặc (3) Quyền lợi khi đáo hạn hợp đồng bảo hiểm.
- (i) có giá trị ước tính, là khoản chi trả thêm (không đảm bảo) cùng với giá trị hoàn lại đảm bảo mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn với giả định chưa có bất kì quyền lợi BHN nào được chi trả. Giá trị hoàn lại của bảo tức tích lũy được tính toán dựa trên giá trị hiện tại của bảo tức tích lũy ở thời điểm chấm dứt thời hạn hợp đồng bảo hiểm và NĐBH còn sống.
- (j) = c + g + h + khoản lãi nhận được trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential.
- (k) = d + g + h + khoản lãi nhận được trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential.
- (l) là số tiền minh họa (không đảm bảo) mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị hoàn lại thực tế có thể cao



hoặc thấp hơn giá trị minh họa.

(m) là khoản lãi nhận được khi kết thúc thời hạn hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp khách hàng để lại quyền lợi tiền mặt ở Prudential.

(n) được tính trong trường hợp chưa có bất kì quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả.

• Giá trị tại cột (j), (k), (l), (m) và (n) được tính toán dựa trên giả định chưa có bất kì quyền lợi BHN nào được chi trả và quyền lợi tiền mặt được để lại tại Prudential để hưởng lãi với mức lãi suất minh họa giả định là 3,5%/năm, 5,0%/năm, 6,5%/năm tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao. Trong thực tế, mức lãi suất này có thể thay đổi tại từng thời điểm và khoản lãi này được tính lãi kép theo ngày.

(*) Mức minh họa Trung bình dựa trên giả định tỷ suất đầu tư bằng với tỷ suất đầu tư dài hạn dự kiến tại thời điểm công bố bảo tức hàng năm vừa qua. Vì lợi nhuận đầu tư thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau và có thể khác với lợi nhuận đầu tư giả định nên các quyền lợi không đảm bảo trong thực tế vẫn có thể khác với các giá trị minh họa tương ứng với mức minh họa Trung bình.

(**) Mức minh họa Thấp dựa trên giả định tỷ suất đầu tư thấp hơn 1,5%/ năm so với tỷ suất đầu tư dài hạn tại thời điểm công bố bảo tức hàng năm vừa qua. Vì lợi nhuận đầu tư thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau và có thể thấp hơn lợi nhuận đầu tư giả định nên các quyền lợi không đảm bảo trong thực tế vẫn có thể thấp hơn các giá trị minh họa tương ứng với mức minh họa Thấp.

(***) Mức minh họa Cao dựa trên giả định tỷ suất đầu tư cao hơn 1,5%/ năm so với tỷ suất đầu tư dài hạn tại thời điểm công bố bảo tức hàng năm vừa qua.



3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: BỐ			
PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN	Mắc BHN giai đoạn đầu lần 1 (*)	60.000.000 (tối đa)	Mức chi trả cho mỗi BHN giai đoạn đầu là 30% STBH và tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả tối đa cho mỗi BHN giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng bảo hiểm không vượt quá 500 triệu đồng. BHN giai đoạn đầu lần 2 được chẩn đoán phải không cùng nhóm BHN với BHN giai đoạn đầu lần 1 đã được chấp thuận chi trả, dựa theo danh sách BHN được quy định tại Quy tắc, Điều khoản. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một BHN giai đoạn đầu, quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho duy nhất một BHN giai đoạn đầu.
	Mắc BHN giai đoạn đầu lần 2 (*)	60.000.000 (tối đa)	
	Mắc BHN giai đoạn sau lần 1 (*)	200.000.000 (tối đa) Sau khi Quyền lợi bảo hiểm BHN giai đoạn sau lần 1 được chấp thuận chi trả, Prudential sẽ miễn toàn bộ Phí bảo hiểm còn lại của sản phẩm bảo hiểm chính kể từ ngày BHN giai đoạn sau lần 1 được chẩn đoán xác định và Hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực.	Mức chi trả tối đa cho mỗi BHN giai đoạn sau là 100% STBH. Nếu BHN giai đoạn đầu đã chi trả cùng nhóm với BHN giai đoạn sau lần 1 được chẩn đoán, quyền lợi BHN giai đoạn đầu đã chi trả sẽ được khấu trừ từ quyền lợi BHN giai đoạn sau lần 1. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một BHN (bao gồm BHN giai đoạn đầu và/hoặc BHN giai đoạn sau), duy nhất một BHN có quyền lợi bảo hiểm cao nhất sẽ được chi trả. BHN giai đoạn sau lần 2 phải không cùng Nhóm BHN với BHN giai đoạn sau lần 1 và được chẩn đoán xác định sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày BHN giai đoạn sau lần 1 được chẩn đoán xác định. BHN giai đoạn sau lần 2 được chẩn đoán xác định phải không liên quan trực tiếp hay gián tiếp hoặc không xuất phát từ cùng nguyên nhân gây ra BHN giai đoạn sau lần 1 đã chấp thuận chi trả. Quyền lợi BHN giai đoạn sau lần 2 sẽ khấu trừ toàn bộ Quyền lợi BHN đã chấp thuận chi trả, Quyền lợi tiền mặt và các Khoản nợ, nếu có. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực sau khi Quyền lợi BHN giai đoạn sau lần 2 được chi trả.
	Mắc BHN giai đoạn sau lần 2 (*)	200.000.000 (tối đa)	



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN**

PRU-CUỘC SỐNG BÌNH AN	Tử vong không do tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.	400.000.000 (tối đa)	Quyền lợi này sẽ khấu trừ toàn bộ Quyền lợi bảo hiểm BHN, Quyền lợi tiền mặt đã chấp thuận chi trả và các Khoản nợ, nếu có, tính đến thời điểm Người được bảo hiểm tử vong. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi Người được bảo hiểm tử vong.	
	Tử vong do tai nạn và chưa có bất kì quyền lợi BHN nào và/hoặc quyền lợi tiền mặt được chi trả.	600.000.000 (tối đa)		
1	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe	Nằm viện	400.000	Cho mỗi Ngày nằm viện; được chi trả tối đa 100 Ngày nằm viện cộng dồn trong một Năm hợp đồng; hoặc
		Nằm viện tại Khoa chăm sóc đặc biệt	800.000	Cho mỗi Ngày nằm viện tại Khoa chăm sóc đặc biệt; được chi trả tối đa 30 Ngày nằm viện cộng dồn trong một Năm hợp đồng
		Phẫu thuật	2.000.000	Cho một ca phẫu thuật
Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 1: MẸ				
2	Bảo hiểm miễn đóng phí	Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Miễn toàn bộ Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ mua kèm đã ký kết, nếu có, (không bao gồm phí bảo hiểm tích lũy thêm của sản phẩm bảo hiểm chính thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, nếu có) kể từ kỳ phí kế tiếp sau khi Người được bảo hiểm miễn thu phí tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho đến hết Thời hạn hợp đồng của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này.	Các sản phẩm bổ trợ đính kèm phải thỏa điều kiện (i) có thời hạn đóng phí/thời hạn đóng phí còn lại từ 05 năm trở lên tại thời điểm tham gia sản phẩm Bảo hiểm miễn đóng phí; (ii) NĐBH của các sản phẩm bổ trợ này khác với NĐBH của sản phẩm Bảo hiểm miễn đóng phí.
3	Bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn	Tử vong	100.000.000	
		Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	100.000.000	Được chi trả thành 10 lần trong 10 năm



3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 1: MẸ			
4	Bảo hiểm chết và tàn tật do tai nạn mở rộng	Bị tàn tật (theo mức độ tàn tật) hoặc bị phỏng nặng hoặc tử vong do tai nạn	100.000.000 (tối đa)
		Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên xe buýt hoặc xe lửa	200.000.000 (tối đa)
		Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên các chuyến bay thương mại	300.000.000 (tối đa)



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Bố
Bố

Minh họa số:
Tư vấn viên:

13922/510001503
PRUDENTIAL VIỆT NAM

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 - CIM2
14/03/2022 16:04:04

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 1: MẸ			
5 Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 (*)	100.000.000	Tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả tối đa cho mỗi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng không vượt quá 500 triệu đồng. Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 được chẩn đoán phải khác với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 đã được chấp thuận chi trả, dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu, quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho duy nhất một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.
	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 (*)	100.000.000	
	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (*)	200.000.000	Nếu Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả trước đó cùng loại Bệnh hiểm nghèo với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau được chẩn đoán (dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này), quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả sẽ được khấu trừ từ quyền lợi này. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo (bao gồm Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và/hoặc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau), duy nhất một Bệnh hiểm nghèo có quyền lợi bảo hiểm cao nhất sẽ được chi trả.



3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 2: CON TRAI			
6	Bảo hiểm miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo	Mắc Bệnh hiểm nghèo (*)	Miễn đóng phí trong tương lai cho toàn bộ hợp đồng cho đến hết Thời hạn hợp đồng của sản phẩm bảo trợ này (không bao gồm phí tích lũy thêm đối với các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư và phí bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE, nếu có).



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Bố
Bố

Minh họa số:
Tư vấn viên:

13922/510001503
PRUDENTIAL VIỆT NAM

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 - CIM2
14/03/2022 16:04:04

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 2: CON TRAI			
7 Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 (*)	100.000.000	Tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả tối đa cho mỗi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng không vượt quá 500 triệu đồng. Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 được chẩn đoán phải khác với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 đã được chấp thuận chi trả, dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu, quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho duy nhất một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.
	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 (*)	100.000.000	
	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (*)	200.000.000	Nếu Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả trước đó cùng loại Bệnh hiểm nghèo với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau được chẩn đoán (dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này), quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả sẽ được khấu trừ từ quyền lợi này. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo (bao gồm Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và/hoặc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau), duy nhất một Bệnh hiểm nghèo có quyền lợi bảo hiểm cao nhất sẽ được chi trả.



Ghi chú:

- (*) Quyền lợi này chỉ được chi trả với điều kiện (i) Người được bảo hiểm vẫn còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày bệnh được chẩn đoán xác định; (ii) các dấu hiệu hay triệu chứng của bệnh xuất hiện sau 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau.
- Chi tiết về quyền lợi và điều khoản loại trừ của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm. Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm này, theo chấp thuận của Bộ Tài chính, được công bố trên website của Prudential và Bộ Tài chính theo quy định hiện hành.
- Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Prudential trong vòng 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm theo quy định trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm chính:

Bố
Bố

Minh họa số:
Tư vấn viên:

13922/510001503
PRUDENTIAL VIỆT NAM

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -CIM2
14/03/2022 16:04:04

CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CHÍNH

1. Loại trừ trường hợp tử vong

- a. Hành động tự tử, tự gây thương tích trong vòng 2 (hai) năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có), tùy thuộc ngày nào xảy ra sau. Đối với phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm (nếu có), loại trừ do nguyên nhân tự tử theo quy định tại Điều này sẽ được áp dụng trong vòng 24 tháng tính từ ngày có hiệu lực của việc tăng Số tiền bảo hiểm hoặc khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc
- b. Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm; hoặc
- c. Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS; hoặc
- d. Tử vong do bị thi hành án tử hình.

2. Loại trừ trường hợp thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Tình trạng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Người được bảo hiểm:

- a. Đã xảy ra trước Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất; tùy ngày nào đến sau; hoặc
- b. Phát sinh từ:
 - Tự tử không thành dẫn đến Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
 - Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc
 - Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

3. Loại trừ trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo

Prudential sẽ không chi trả các quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nếu các dấu hiệu hay triệu chứng của bệnh xuất hiện:

- a. Trước Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau; hoặc
- b. Trong vòng 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau, cho dù chưa có chẩn đoán Bệnh hiểm nghèo (ngoại trừ trường hợp Bệnh hiểm nghèo là hậu quả của Tai nạn và Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo trong vòng 90 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn).



4. Loại trừ trường hợp tai nạn

- a. Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hành động nổi loạn, rối loạn dân sự hoặc bạo động; hoặc
- b. Phạm tội (theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm; hoặc
- c. Tự tử, hoặc tự gây thương tích cho bản thân của Người được bảo hiểm dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- d. Tham gia các hoạt động nguy hiểm của Người được bảo hiểm như lặn có bình khí nén, nhảy bungee, leo núi, đua xe dưới mọi hình thức, điều lượn, khinh khí cầu, nhảy dù; hoặc
- e. Bị tác động bởi việc sử dụng các chất gây nghiện, thuốc điều trị tâm thần, rượu, chất độc, khí ga, các hoạt chất tương tự hoặc ma túy, trừ trường hợp có chỉ định của Bác sĩ và việc ảnh hưởng này là nguyên nhân gây ra Tai nạn; hoặc
- f. Khiếm khuyết về thể chất hay tinh thần hoặc tình trạng yếu sức khỏe đã tồn tại trước ngày bắt đầu bảo hiểm hay trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng; hoặc
- g. Bất kỳ sự kiện nào làm phát sinh yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm do hành động cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

5. Loại trừ của bảo hiểm chăm sóc sức khỏe

- a. Loại trừ Tình trạng tồn tại trước:

Prudential sẽ không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào cho sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này nếu Người được bảo hiểm Nằm viện hay trải qua Phẫu thuật vì Tình trạng tồn tại trước như quy định tại Quy tắc, Điều khoản.

- b. Loại trừ khi sự kiện bảo hiểm phát sinh trong Thời hạn loại trừ:

Prudential sẽ không chi trả bất cứ quyền lợi nào cho sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này nếu Người được bảo hiểm phải Nằm viện hay trải qua Phẫu thuật trong Thời hạn loại trừ được quy định tại Quy tắc, Điều khoản.

LƯU Ý: Các điều khoản loại trừ trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.

CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN KHÁC CỦA BẢN QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. kê khai chính xác các thông tin cần thiết

Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Prudential đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. Việc thẩm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm theo quy định tại điều này. Nếu vi phạm nghĩa vụ trên, tùy từng trường hợp, Prudential sẽ có quyền không chịu trách nhiệm bảo hiểm hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện hoặc vẫn chấp thuận bảo hiểm.

2. Thời hạn cần nhắc

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm và với điều kiện là chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Prudential. Khi đó, Prudential sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm: (tổng) Phí bảo hiểm ban đầu đã đóng của Hợp đồng bảo hiểm không có lãi; trừ đi các chi phí xét nghiệm y khoa, nếu có.

LƯU Ý: Các điều khoản trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về các Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.



Các số liệu và quyền lợi trong tài liệu này được minh họa với giả định toàn bộ phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn và không có giao dịch nào làm thay đổi giá trị hợp đồng. Toàn bộ nội dung của tài liệu này là một phần của hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng.
- Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

- Tôi đã được Tư vấn viên phân tích nhu cầu và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu. Tôi có khả năng tài chính để đóng Phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này.
- Tôi đã đọc bảng minh họa này và đã được Tư vấn viên tư vấn rõ ràng chi tiết của bảng minh họa cũng như các Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.
- Tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Chữ ký: _____
Họ và tên: **PRUDENTIAL VIỆT NAM**
Mã số Tư vấn viên: **60000012**
Ngày: / /

Chữ ký: _____
Họ và tên: **Bố**
Ngày: / /

BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

